

Số: 13 /2012/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ
hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CÔNG VĂN BẢN SỐ 479
Ngày 22 tháng 5 năm 2012

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg ngày 6/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/4/2004;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/3/2012 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ 53/TTr-SXD ngày 16/4/2012 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 206/TTr- SNV-CCHC ngày 7/5/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 12/6/2006 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt Đề án cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa” tại Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*na*

Nơi nhận : na

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPLBTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh Ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Sở: Tư Pháp, KHĐT, CA tỉnh, BCH QS tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Đắk Lắk;
- PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: CN, KSTTHC;
- Lưu : VT, CN, TH.

707

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư

QUY ĐỊNH

Về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2012/QĐ-UBND ngày 22 /5 /2012 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Sở Xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đối với các lĩnh vực (sau đây gọi tắt là lĩnh vực xây dựng):

- Cấp giấy phép xây dựng;
- Quy hoạch xây dựng;
- Cấp chứng chỉ định giá bất động sản và chứng chỉ môi giới bất động sản;
- Cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng;
- Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam;
- Cấp giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành công trình cho nhà thầu nước ngoài;
- Thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực được nêu tại Điều 1 Quy định này;
2. Cán bộ trực tiếp thực hiện tiếp nhận, trả kết quả thuộc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở;
3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính trong quy trình một cửa của Sở.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ chế một cửa trong lĩnh vực xây dựng là cơ chế giải quyết công việc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Sở Xây dựng, từ hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết đến trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

2. Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính tại Quyết định này là những ngày làm việc theo quy định của Nhà nước, không tính ngày nghỉ, Lễ, Tết và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Điều 4. Mục tiêu và nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa

1. Thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu thực hiện các thủ tục hành chính.
2. Công khai các thủ tục hành chính, mức thu phí, lệ phí, giấy tờ, hồ sơ và thời gian giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân.
3. Nhận yêu cầu và trả kết quả tại một nơi duy nhất là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
4. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ của công chức. Bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân.
5. Đảm bảo sự phối hợp giải quyết công việc giữa các phòng, ban, bộ phận của Sở để rút ngắn tối đa thời gian giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân.

Chương II

QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

Điều 5. Thời gian và Quy trình tiếp nhận hồ sơ

Khi có yêu cầu giải quyết các lĩnh vực nói trên tổ chức, cá nhân trực tiếp nộp hồ sơ hoặc chuyển theo đường Bưu điện (tuỳ theo thủ tục hành chính) đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (thuộc Sở Xây dựng Đắk Lắk, số 15 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột; thời gian nhận và trả kết quả: Sáng từ 8h00 đến 10h30 và chiều từ 14h00 đến 16h00, các ngày từ Thứ 2 đến ngày Thứ 6 hàng tuần).

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết của Sở Xây dựng thì hướng dẫn đề tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hoàn chỉnh. Việc hướng dẫn được thực hiện theo nguyên tắc một lần, đầy đủ, đúng quy định đã niêm yết công khai.

1. Đối với các loại công việc theo quy định giải quyết trong ngày làm việc không được ghi giấy hẹn thì tiếp nhận và giải quyết ngay, sau đó trình lãnh đạo có thẩm quyền ký, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí đối với những công việc được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các loại công việc theo quy định được ghi giấy hẹn thì tiếp nhận và viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (thời hạn hẹn trả hồ sơ tuỳ từng TTHC); yêu cầu cá nhân, tổ chức ký vào phiếu tiếp nhận hồ sơ và thu phí, lệ phí đối với những công việc được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Ghi chép và cập nhật các nội dung liên quan vào sổ và phần mềm theo dõi việc tiếp nhận - giao trả hồ sơ theo quy trình sử dụng phần mềm.

4. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thụ lý.

Điều 6. Quy trình chuyển hồ sơ

Thời hạn không quá 01 ngày làm việc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến phòng chuyên môn có liên quan thuộc Sở để giải quyết. Thời gian bộ phận một cửa chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn và thời gian phòng chuyên môn trả lại kết quả giải quyết hồ sơ cho bộ phận một cửa phải thể hiện trong sổ theo dõi tiếp nhận - trả kết quả hồ sơ và phiếu chuyển hồ sơ.

Điều 7. Quy trình giải quyết hồ sơ

1. Phòng chuyên môn thụ lý thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra nội dung hồ sơ do Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả chuyển giao theo Phiếu tiếp nhận hồ sơ;

b) Nghiên cứu, đề xuất phương án giải quyết, báo cáo dự thảo văn bản giải quyết cho Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.

Nếu trong quá trình xử lý phát hiện sai sót về kỹ thuật hoặc không bảo đảm tính pháp lý thì các phòng chuyên môn có trách nhiệm dự thảo văn bản ghi rõ nội dung sai sót trong hồ sơ, trình lãnh đạo Sở ký văn bản, chuyển cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để bộ phận tiếp nhận hồ sơ trả lại cho tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa theo phiếu hướng dẫn trong thời gian từ (03 đến 05 ngày) làm việc.

Đối với hồ sơ đòi hỏi có sự phối hợp liên ngành của các cơ quan chuyên môn khác, phòng chuyên môn xây dựng quy trình phối hợp giải quyết theo hướng:

- Phát hành văn bản đề xin ý kiến thống nhất trong việc thụ lý hồ sơ.

- Tổ chức họp với các ngành để lập biên bản về những nội dung thống nhất và kiến nghị đề xuất với cấp trên.

c) Sau khi giải quyết xong, phòng chuyên môn chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Công chức viên chức tại Bộ phận một cửa được phân công trực để giao cho tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng thời gian hẹn trả.

d) Đến ngày hẹn trả mà hồ sơ chưa được phê duyệt thì phải lập Phiếu gia hạn trả hồ sơ gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan, nêu rõ lý do chậm trễ; thời gian gia hạn tùy tình hình thực tế nhưng không được vượt quá thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định cho từng loại hồ sơ.

e) Với các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh phòng chuyên môn chuyển hồ sơ và văn bản tham mưu đến bộ phận một cửa của Văn phòng UBND tỉnh. Nhận kết quả giải quyết từ UBND tỉnh chuyển cho thành viên bộ phận một cửa của cơ quan được phân công trực để giao cho tổ chức, cá nhân.

2. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tùy theo từng loại thủ tục quy định cụ thể tại Quy định này.

Điều 8. Quy trình trả kết quả giải quyết hồ sơ

Trả kết quả giải quyết hồ sơ là quá trình Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thực hiện các công việc sau:

1. Trả kết quả giải quyết hồ sơ hoặc phiếu gia hạn trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân theo đúng phiếu tiếp nhận hồ sơ.

2. Ghi chép và cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ vào sổ và phần mềm theo dõi việc tiếp nhận - giao trả hồ sơ theo quy trình sử dụng phần mềm (nếu có).

3. Yêu cầu tổ chức, cá nhân ký nhận kết quả vào sổ theo dõi và thu hồi phiếu tiếp nhận hồ sơ.

Chương III

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

Mục 1

CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 9. Cấp giấy phép xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp
(không phải nhà ở riêng lẻ).

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Mẫu 1, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), 01 bản chính; Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đúng mục đích sử dụng đất) kèm theo trích lục bản đồ có ghi kích thước cạnh thửa đất nếu trong giấy tờ đất chưa có kích thước thửa đất (theo khoản 2, Điều 7, Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thẩm quyền và Quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk), 01 bản sao có chứng thực; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư, 01 bản sao có chứng thực.

- Đối với các dự án, công trình nêu tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy phải có văn bản thẩm định phòng cháy chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền, 01 bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư.

- Đối với các dự án, công trình thuộc danh mục phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ thì chủ đầu tư phải có kết quả thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, 01 bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư.

- Đối với công trình là di tích văn hóa, lịch sử và danh lam thắng cảnh quốc gia đã được nhà nước công nhận, phải có giấy phép của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, 01 bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư.

- Đối với công trình đã được góp ý thiết kế cơ sở thì chủ đầu tư nộp văn bản góp ý thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền, 01 bản sao chụp.

- Đối với công trình cải tạo, sửa chữa phải có ảnh chụp hiện trạng công trình cũ khổ (9x12)cm, 01 tấm ảnh.

- Hồ sơ thiết kế gồm:

+ Phần kiến trúc: Mặt bằng định vị công trình trên lô đất, tỷ lệ 1/200 – 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình trong khu vực. Mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt công trình, tỷ lệ 1/50 – 1/100.

+ Phần kết cấu: Mặt bằng móng của công trình, tỷ lệ 1/100 – 1/200. Bản vẽ kết cấu các bộ phận chính của công trình: Móng, khung cột, sàn, mái; Sơ đồ hệ thống và điểm đầu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư (01 bộ trả kèm giấy phép).

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 10. Cấp giấy phép xây dựng công trình cửa hàng xăng dầu

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Mẫu 1, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), 01 bản chính. Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đúng mục đích sử dụng đất) kèm theo trích lục bản đồ có ghi kích thước cạnh thửa đất nếu trong giấy tờ đất chưa có kích thước thửa đất (theo khoản 2, Điều 7, Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thẩm quyền và Quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk), 01 bản

sao có chứng thực. Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư, 01 bản sao có chứng thực. Văn bản thẩm định PCCC của cơ quan có thẩm quyền (quy định tại Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy), 01 bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư. Ý kiến bằng văn bản của Sở Công thương về sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh được duyệt, 01 bản sao chụp. Đối với công trình đã được góp ý thiết kế cơ sở thì chủ đầu tư nộp văn bản góp ý thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền, 01 bản sao chụp. Đối với công trình cải tạo, sửa chữa phải có ảnh chụp hiện trạng công trình cũ khổ (9x12)cm, 01 tấm ảnh.

- Hồ sơ thiết kế gồm:

+ Phần kiến trúc: Mặt bằng định vị công trình trên lô đất, tỷ lệ 1/200—1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình trong khu vực. Mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt công trình, tỷ lệ 1/50 – 1/100.

+ Phần kết cấu: Mặt bằng móng của công trình, tỷ lệ 1/100 – 1/200. Bản vẽ kết cấu các bộ phận chính của công trình: Móng, khung cột, sàn, mái. Sơ đồ hệ thống và điểm đấu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư (01 bộ trả kèm giấy phép).

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 11. Cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài và tranh hoành tráng

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Mẫu 1, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), 01 bản chính; Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đúng mục đích sử dụng đất) kèm theo trích lục bản đồ có ghi kích thước cạnh thửa đất nếu trong giấy tờ đất chưa có kích thước thửa đất (theo khoản 2, Điều 7, Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thẩm quyền và Quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk), 01 bản sao có chứng thực; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư, 01 bản sao có chứng thực; Giấy phép của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về nội dung, 01 bản sao có chứng thực.

- Hồ sơ thiết kế gồm: Mặt bằng tổng thể khu vực dự án đầu tư xây dựng. Mặt bằng định vị công trình trên khu đất, tỷ lệ 1/200 – 1/500. Mặt đứng, mặt cắt chủ yếu, tỷ lệ 1/100 – 1/200.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư (01 bộ trả kèm giấy phép).

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 12. Cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Mẫu 1, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), 01 bản chính; Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đúng mục đích sử dụng đất) kèm theo trích lục bản đồ có ghi kích thước cạnh thửa đất nếu trong giấy tờ đất chưa có kích thước thửa đất (theo khoản 2, điều 7, Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thẩm quyền và Quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk) 01 bản sao có chứng thực; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư, 01 bản sao có chứng thực; Văn bản chấp thuận về chủ trương của UBND tỉnh hoặc của Ban Tôn giáo theo phân cấp, 01 bản sao chụp. Đối với các dự án, công trình nêu tại phụ lục 03, ban hành kèm theo Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy phải có văn bản thẩm định phòng cháy chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền, 01 bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư. Trường hợp sửa chữa, xây dựng công trình tôn giáo thuộc khu vực đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử, văn hoá danh lam thắng cảnh chủ đầu tư phải có văn bản cho phép của Bộ Văn hoá – Thông tin, 01 bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư. Đối với công trình cải tạo, sửa chữa phải có ảnh chụp hiện trạng công trình cũ khổ (9x12)cm, 01 tấm ảnh.

- Hồ sơ thiết kế gồm:

+ Phần kiến trúc: Mặt bằng định vị công trình trên lô đất, tỷ lệ 1/200 – 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình trong khu vực. Mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt công trình, tỷ lệ 1/50 – 1/100.

+ Phần kết cấu: Mặt bằng móng của công trình, tỷ lệ 1/100 – 1/200. Bản vẽ kết cấu các bộ phận chính của công trình: Móng, khung cột, sàn, mái. Sơ đồ hệ thống và điểm đấu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư (01 bộ trả kèm giấy phép).

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 13. Cấp giấy phép xây dựng công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động (Trạm BTS)

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2, Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị), 01 bản chính; Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đúng mục đích sử dụng đất) kèm theo trích lục bản đồ có ghi kích thước cạnh thửa đất nếu trong giấy tờ đất chưa có kích thước thửa đất (theo khoản 2, Điều 7, Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thẩm quyền và Quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk), 01 bản sao có chứng thực. Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư, 01 bản sao có chứng thực. Hồ sơ thiết kế đã được thẩm định theo quy định bao gồm bản vẽ mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng điển hình; mặt bằng móng của công trình; sơ đồ đầu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư (01 bộ trả kèm giấy phép).

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 14. Cấp giấy phép xây dựng công trình tạm

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Mẫu 2, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), 01 bản chính. Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đúng mục đích sử dụng đất) kèm theo trích lục bản đồ có ghi kích thước cạnh thửa đất nếu trong giấy tờ đất chưa có kích thước thửa đất (theo khoản 2, Điều 7, Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND

ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thẩm quyền và Quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk), 01 bản sao có chứng thực. Văn bản cam kết tự phá dỡ công trình khi nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng, 01 bản chính.

- Hồ sơ thiết kế gồm: Mặt bằng định vị công trình trên lô đất, tỷ lệ 1/200 – 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình. Mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt công trình, tỷ lệ 1/50 – 1/100. Mặt bằng móng công trình, tỷ lệ 1/100 – 1/200.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư (01 bộ trả kèm giấy phép).

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 15. Cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Mẫu 3, Phụ lục I, ban hành kèm theo Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị), 01 bản chính. Một trong các giấy tờ về cho phép đầu tư xây dựng công trình, 01 bản sao có chứng thực; Văn bản thỏa thuận về hướng tuyến với cơ quan quản lý quy hoạch địa phương nếu công trình đó chưa được xác định trong quy hoạch đô thị được phê duyệt, 01 bản sao có chứng thực; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư, 01 bản sao có chứng thực.

- Hồ sơ thiết kế gồm: Bản vẽ thiết kế thể hiện được vị trí, mặt bằng, mặt cắt; chiều sâu công trình; sơ đồ đấu nối kỹ thuật.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư.

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 16. Điều chỉnh giấy phép xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn xin điều chỉnh giấy phép xây dựng do chủ đầu tư đứng đơn (nêu số, ngày giấy phép đã được cấp), 01 bản chính; Bản chính giấy phép xây dựng đã

được cấp; Bản vẽ thiết kế thay đổi thể hiện nội dung xin điều chỉnh, 02 bộ chính.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư (01 bộ trả kèm giấy phép).

3. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Điều 17. Gia hạn giấy phép xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn xin gia hạn giấy phép xây dựng (nêu số, ngày giấy phép đã được cấp), 01 bản chính; Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/giấy phép (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng. -> 10.000đ/
lần

Điều 18. Xác nhận hoàn công công trình

1. Thành phần hồ sơ:

Giấy báo kiểm tra công trình hoàn thành (theo Phụ lục 1, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk), 01 bản chính. Giấy phép xây dựng của công trình đề nghị kiểm tra công trình hoàn thành, 01 bản sao chụp. Hồ sơ bản vẽ hoàn công (có chữ ký của chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn thực hiện vẽ hoàn công (nếu có)), 02 bản chính.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ hoàn công (01 bộ trả kèm văn bản hoàn công).

3. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

4. Lệ phí: Không.

Điều 19. Cấp giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giấy phép xây dựng (theo Mẫu 1, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), 01 bản chính; Văn bản về quyền sử dụng đất hoặc văn bản thỏa thuận tuyển kèm theo sơ đồ, 01 bản sao có chứng thực;

Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư, 01 bản sao có chứng thực.

- Hồ sơ thiết kế gồm: Bản đồ đo đạc hiện trạng vị trí tuyến công trình; Mặt bằng tổng thể, mặt bằng chi tiết công trình, tỷ lệ 1/500 – 1/1000; Các mặt cắt ngang, trắc dọc tuyến chủ yếu thể hiện bố trí tổng hợp đường dây, đường ống của tuyến công trình, tỷ lệ 1/100 – 1/200.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ bản vẽ thiết kế bản chính và phải có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư.

3. Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phức tạp cần phải lấy ý kiến các ngành thì thời hạn giải quyết không quá 20 (hai mươi) ngày.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp phép 100.000 đồng/hạng mục (theo Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 13/4/2007 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về mức thu phí và lệ phí). Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

Mục 2

QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 20. Thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 các dự án đầu tư xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (theo Phụ lục 2, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk), 02 bản chính. Chủ trương chấp thuận vị trí đầu tư (kèm theo sơ đồ vị trí chấp thuận) hoặc các giấy tờ có liên quan đến đất đai, 02 bản sao có chứng thực. Chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế, 02 bản sao có chứng thực. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn, 02 bản sao có chứng thực. Văn bản thỏa thuận kiến trúc – quy hoạch, 02 bản sao chụp. Hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (có chữ ký của chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế), 05 bản chính.

2. Số lượng hồ sơ: 05 bộ bản vẽ thiết kế (03 bộ trả kèm kết quả thẩm định).

3. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Lệ phí: Không.

Điều 21. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, 02 bản chính (theo Phụ lục 3, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk); Các văn bản có liên quan đến chủ trương hoặc kế hoạch vốn được duyệt (nếu có),

02 bản sao chụp. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tổng hợp bằng văn bản, 02 bản sao chụp; Nghị quyết của HĐND cùng cấp, 02 bản sao chụp (áp dụng đối với quy hoạch chung xây dựng thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới, trừ quy hoạch chung xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ); Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng được chủ đầu tư ký trình (trường hợp do đơn vị tư vấn lập thì đơn vị tư vấn cùng ký tên), 07 bản chính; Chứng chỉ hành nghề theo quy định của các chủ trì lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng (áp dụng cho đơn vị thiết kế lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng), 02 bản sao có chứng thực; Bản chứng minh năng lực (kinh nghiệm, nhân lực, khả năng) của tổ chức tư vấn (áp dụng cho đơn vị thiết kế lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng), 02 bản sao chụp.

2. Số lượng hồ sơ: 07 bộ (05 bộ trả kèm kết quả thẩm định).

3. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Lệ phí: Không.

Điều 22. Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng vùng

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng, 02 bản chính (theo Phụ lục 4, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk). Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, 02 bản sao chụp. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tổng hợp bằng văn bản, 02 bản sao chụp. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng, 02 bản sao chụp. Bản vẽ quy hoạch xây dựng, thuyết minh quy hoạch, dự thảo văn bản, đĩa CD Rom.

2. Số lượng hồ sơ: Hồ sơ bản vẽ quy hoạch xây dựng: 02 bộ màu và 18 bộ trắng đen; Thuyết minh quy hoạch: 20 bộ; 01 đĩa CD Rom. (18 bộ bản vẽ, thuyết minh trả kèm kết quả thẩm định).

3. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Lệ phí: Tính theo tỷ lệ % trên giá thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành. Thời điểm nộp lệ phí thẩm định được thực hiện sau khi chủ đầu tư nhận kết quả thẩm định.

Điều 23. Thẩm định đồ án quy hoạch chung xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chung đô thị mới, 02 bản chính (theo Phụ lục 5, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk). Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp (áp dụng đối với quy hoạch chung xây dựng thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn, đô thị loại

V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới, trừ quy hoạch chung xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ), 02 bản sao chụp. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tổng hợp bằng văn bản, 02 bản sao chụp. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, 02 bản sao chụp. Bản vẽ quy hoạch xây dựng, thuyết minh quy hoạch, dự thảo văn bản, đĩa CD Rom.

2. Số lượng hồ sơ: Hồ sơ bản vẽ quy hoạch xây dựng: 02 bộ màu và 18 bộ trắng đen; Thuyết minh quy hoạch: 20 bộ; 01 đĩa CD Rom. (18 bộ bản vẽ, thuyết minh trả kèm kết quả thẩm định).

3. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Lệ phí: Tính theo tỷ lệ % trên giá thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành. Thời điểm nộp lệ phí thẩm định được thực hiện sau khi chủ đầu tư nhận kết quả thẩm định.

Điều 24. Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng:

1. Thẩm định đồ án quy hoạch phân khu:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu, 02 bản chính (theo Phụ lục 6, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk). Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tổng hợp bằng văn bản, 02 bản sao chụp. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu, 02 bản sao chụp. Bản vẽ quy hoạch phân khu, thuyết minh quy hoạch, dự thảo văn bản, đĩa CD Rom.

b) Số lượng hồ sơ: Hồ sơ bản vẽ quy hoạch xây dựng: 02 bộ màu và 12 bộ trắng đen; Thuyết minh quy hoạch: 14 bộ; 01 đĩa CD Rom. (12 bộ bản vẽ, thuyết minh trả kèm kết quả thẩm định).

c) Thời gian giải quyết: Tối đa 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Lệ phí: Tính theo tỷ lệ % trên giá thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành. Thời điểm nộp lệ phí thẩm định được thực hiện sau khi chủ đầu tư nhận kết quả thẩm định.

2. Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu, 02 bản chính (theo Phụ lục 7, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk). Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tổng hợp bằng văn bản, 02 bản sao chụp. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng, 02 bản sao chụp. Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng, thuyết minh quy hoạch, dự thảo văn bản, đĩa CD Rom.

b) Số lượng hồ sơ: Hồ sơ bản vẽ quy hoạch xây dựng: 02 bộ màu và 12 bộ trắng đen; Thuyết minh quy hoạch: 14 bộ; 01 đĩa CD Rom. (12 bộ bản vẽ, thuyết minh trả kèm kết quả thẩm định).

c) Thời gian giải quyết: Tối đa 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Lệ phí: Tính theo tỷ lệ % trên giá thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành. Thời điểm nộp lệ phí thẩm định được thực hiện sau khi chủ đầu tư nhận kết quả thẩm định.

Điều 25. Thẩm định điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng (nêu chi tiết nội dung điều chỉnh), 02 bản chính (theo Phụ lục 8a, 8b, 8c, 8d, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk). Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tổng hợp bằng văn bản, 02 bản sao chụp. Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng (đang có giá trị hiện hành), 02 bản sao chụp. Bản vẽ thể hiện nội dung điều chỉnh - thuyết minh - Đĩa CD-Rom lưu trữ các tài liệu trên. Tùy theo mức độ, khối lượng điều chỉnh để có thành phần thích hợp.

2. Số lượng hồ sơ: 07 bộ (02 bộ màu và 05 bộ trắng đen).

3. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Lệ phí: Tính theo tỷ lệ % trên giá thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành. Thời điểm nộp lệ phí thẩm định được thực hiện sau khi chủ đầu tư nhận kết quả thẩm định.

Điều 26. Cấp chứng chỉ quy hoạch

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng (theo Phụ lục 9, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk), 01 bản chính. Sơ đồ vị trí và trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, 01 bản chính. Bộ bản vẽ quy hoạch, bản vẽ hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500, 01 bộ bản chính.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Lệ phí: Không.

Điều 27. Thoả thuận Kiến trúc - Quy hoạch công trình xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị Thỏa thuận Kiến trúc – Quy hoạch (theo Phụ lục 10, ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk), 01 bản chính. Sơ đồ vị trí và trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, 01 bản chính. Mặt bằng tổng thể công trình, phương án thiết kế công trình.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Lệ phí: Không.

Điều 28. Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch xây dựng (gồm quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng)

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị phê duyệt kinh phí lập quy hoạch xây dựng (1 bản chính); Quyết định phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch xây dựng của UBND tỉnh Đắk Lắk. (1 bản sao); Quyết định chỉ định thầu tư vấn xây dựng theo quy định của Luật Đấu thầu. (1 bản chính); Chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng của người đứng chủ trì lập dự toán của đơn vị tư vấn. (1 bản sao); Giấy đăng ký kinh doanh và hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn được chỉ định thầu. (1 bản sao);

2. Số lượng hồ sơ: Hồ sơ lập dự toán chi tiết kèm theo: 07 (bộ).

3. Thời hạn giải quyết: Thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Lệ phí: Sau khi đồ án Quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thu lệ phí (Tính theo tỉ lệ % trên giá thiết kế quy hoạch xây dựng theo Quyết định số 17/2010/TT-BXD ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng).

✓ Thống kê

Mục 3

CẤP CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 29. Cấp Chứng chỉ định giá bất động sản

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đăng ký cấp chứng chỉ Định giá bất động sản có dán ảnh màu 4x6 và có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú của người xin cấp chứng chỉ (theo Phụ lục số 6, Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21/5/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bất động sản). 02 ảnh màu 3x4 cm (chụp trong năm xin cấp chứng chỉ).

Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người xin cấp chứng chỉ. Bản sao giấy chứng nhận hoàn thành khóa học đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về định giá bất động sản. Bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không phải là cán bộ, công chức nhà nước; Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù; Có giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản; Có bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học; Có hồ sơ xin cấp chứng chỉ môi giới bất động sản theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ.

4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ định giá bất động sản là 200.000 đồng/chứng chỉ. (theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bất động sản).

Điều 30. Cấp Chứng chỉ Môi giới bất động sản

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đăng ký cấp chứng chỉ Môi giới bất động sản có dán ảnh màu 4x6 và có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú của người xin cấp chứng chỉ (theo phụ lục 6 Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21/5/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bất động sản). 02 ảnh màu 3x4 cm (chụp trong năm xin cấp chứng chỉ). Bản sao công chứng chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người xin cấp chứng chỉ. Bản sao công chứng giấy chứng nhận hoàn thành khóa học đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về Môi giới bất động sản.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không phải là cán bộ, công chức nhà nước; Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù; Có giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản; Có hồ sơ xin cấp chứng chỉ môi giới bất động sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14, Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ; Tiêu chuẩn nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ (Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề phải phù hợp với ngành nghề chuyên môn đã được đào tạo và năng lực của bản thân):

- Có trình độ chuyên môn: Không bắt buộc.

- Kinh nghiệm nghề nghiệp: Có chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản; Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ,

không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ Môi giới bất động sản là 200.000 đồng/chứng chỉ. (theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bất động sản).

Điều 31. Cấp lại Chứng chỉ Định giá bất động sản, Môi giới bất động sản

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ định giá bất động sản, môi giới bất động sản có dán ảnh màu 4x6 và có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú của người đề nghị cấp lại chứng chỉ (theo Phụ lục 11a và Phụ lục 11b ban hành kèm theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công tại Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk). 02 ảnh màu 3x4 cm (chụp trong năm xin cấp chứng chỉ). Bản sao công chứng chứng minh nhân dân của người đề nghị cấp chứng chỉ. Bản sao công chứng giấy chứng nhận hoàn thành khóa học đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản. Bản gốc Chứng chỉ đối với trường hợp bị rách, trường hợp bị mất có giấy xác nhận của Công an cấp phường, xã kèm theo mẫu tin trên báo hoặc biên lai xác nhận đã đăng tin 01 lần đối với khu vực đô thị; đối với khu vực nông thôn phải có giấy xác nhận niêm yết tại UBND xã trong thời gian 10 ngày.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không phải là cán bộ, công chức nhà nước; Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù; Có giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về định giá bất động sản, môi giới bất động sản; Có hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ định giá bất động sản, môi giới bất động sản theo quy định tại Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ; Tiêu chuẩn nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ (Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề phải phù hợp với ngành nghề chuyên môn đã được đào tạo và năng lực của bản thân):

- Có trình độ chuyên môn: Theo quy định pháp luật.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp lại Chứng chỉ định giá bất động sản, môi giới bất động sản là 200.000 đồng/chứng chỉ. (theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bất động sản)

Mục 4

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ XÂY DỰNG

Điều 32. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng); 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ; Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao nếu có bản gốc để đối chiếu) các văn bằng, giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đề nghị cấp chứng chỉ; Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng), có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu thiếu hồ sơ hoặc không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 10 ngày làm việc).

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù; Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, kỹ thuật, cử nhân kinh tế do các tổ chức hợp pháp ở Việt Nam hoặc nước ngoài cấp và đang thực hiện công tác quản lý chi phí; Có giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng; Đã tham gia hoạt động xây dựng ít nhất 5 năm kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp. Riêng các trường hợp có bằng tốt nghiệp kinh tế xây dựng chuyên ngành thời gian hoạt động xây dựng ít nhất là 03 năm; Đã tham gia thực hiện ít nhất 5 công việc nêu tại khoản 1 Điều 18, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Hàng năm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng nơi hoạt động tư vấn về các hoạt động có liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sau khi được cấp chứng chỉ. Nội dung thông tin cung cấp theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng).

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 300.000 đồng/chứng chỉ. (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 33. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp nâng từ hạng 2 lên hạng 1)

1. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị nâng hạng chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng từ hạng 2 lên hạng 1 bao gồm: Đơn đề nghị nâng hạng kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 7 ban hành kèm theo của Thông tư Số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng); 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị nâng hạng; Bản sao chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ); Chứng nhận tham gia khoá bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng; Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình kể từ khi cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 6, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng) có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu thiếu hồ sơ hoặc không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 10 ngày làm việc).

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù; Có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2; Có ít nhất 5 năm liên tục tham gia hoạt động tư vấn quản lý chi phí kể từ khi được cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng hạng 2; Đã chủ trì thực hiện ít nhất 5 công việc nêu tại khoản 1 Điều 18, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ; Đã tham gia khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng; Hàng năm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng nơi hoạt động tư vấn về các hoạt động có liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sau khi được cấp chứng chỉ. Nội dung thông tin cung cấp theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng).

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 300.000 đồng/chứng chỉ. (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 34. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp cấp thẳng không qua hạng 2)

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng); 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ; Bản sao có chứng thực

(hoặc bản sao nếu có bản gốc để đối chiếu) các văn bằng, giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, chứng minh nhân nhân dân hoặc hộ chiếu của người đề nghị cấp chứng chỉ; Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng) có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Thời gian giải quyết: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu thiếu hồ sơ hoặc không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 10 ngày làm việc).

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù; Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, kỹ thuật, cử nhân kinh tế do các tổ chức hợp pháp ở Việt Nam hoặc nước ngoài cấp và đang thực hiện công tác quản lý chi phí; Có giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng; Có tối thiểu 10 năm liên tục tham gia hoạt động quản lý chi phí và chủ trì thực hiện ít nhất 5 công việc nêu tại khoản 1 Điều 18, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ. Hàng năm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng nơi hoạt động tư vấn về các hoạt động có liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sau khi được cấp chứng chỉ. Nội dung thông tin cung cấp theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 8) của Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 300.000 đồng/chứng chỉ (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 35. Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu tại quy định tại (Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng); 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng; Có chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị rách, nát; Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Thời gian giải quyết: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ. Sở Xây dựng xem xét, cấp lại chứng chỉ kỹ sư

định giá xây dựng cho cá nhân đủ điều kiện theo quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng.

- Có chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị rách, nát.

- Hàng năm, cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng nơi hoạt động tư vấn về các hoạt động có liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sau khi được cấp chứng chỉ. Nội dung thông tin cung cấp theo mẫu quy định tại (Phụ lục số 8) của Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 150.000 đồng/chứng chỉ (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 36. Cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoạt động xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoạt động xây dựng (theo phụ lục 1 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng), kèm 2 ảnh (3x4) chụp trong năm xin cấp; Bản sao văn bằng chuyên môn (nếu các văn bằng do nước ngoài cấp phải dịch ra tiếng Việt, có công chứng); Bản kê khai kinh nghiệm công tác (phụ lục 2 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng); Thống kê những công trình đã trực tiếp tham gia thiết kế quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế kiến trúc công trình có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc của các hội nghề nghiệp có liên quan đến nội dung kê khai đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề); Bản sao CMND đối với công dân Việt Nam (nếu CMND của cá nhân quá 15 năm thì cần bổ sung lại bản sao cấp mới).

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; Không phải công chức đang làm việc quản lý hành chính nhà nước; Có đạo đức nghề nghiệp; Có hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 7 tại Thông tư số 12/2009/QĐ-BXD ngày 24/06/2009 về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Nộp lệ phí đầy đủ theo quy định pháp luật; Có trình độ chuyên môn: Bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc hoặc Quy Hoạch xây dựng do cơ sở đào tạo hợp pháp Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp; Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong công tác thiết kế và đã tham gia thiết kế kiến trúc ít nhất 5 công trình hoặc 5 đồ án Quy hoạch xây dựng được phê

duyệt; Việc kê khai năng lực kinh nghiệm phải trung thực và tổ chức cơ quan xác nhận phải đúng và chính xác.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 300.000 đồng/chứng chỉ (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 37. Cấp chứng chỉ hành nghề Kỹ sư hoạt động xây dựng

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề Kỹ sư hoạt động xây dựng theo phụ lục 1 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng) kèm 2 ảnh (3x4) chụp trong năm xin đăng ký; Bản sao văn bằng chuyên môn (nếu các văn bằng do nước ngoài cấp phải dịch ra tiếng Việt, có công chứng); Bản kê khai kinh nghiệm công tác (Phụ lục 2 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng), bản sao chứng minh nhân dân đối với công dân Việt Nam (Nếu CMND của cá nhân quá 15 năm thì cần bổ sung bản sao cấp mới.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

3. Thời hạn giải quyết : 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; Không phải công chức đang làm việc quản lý hành chính nhà nước; Có đạo đức nghề nghiệp; Có hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điều 7 tại Thông tư số 12/2009/QĐ-BXD ngày 24/06/2009 về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Nộp lệ phí đầy đủ theo quy định pháp luật; Có trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề do cơ sở hợp pháp của nhà nước Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp; Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm về nội dung xin đăng ký hành nghề và đã tham gia thực hiện thiết kế hoặc khảo sát ít nhất 5 công trình. Hoặc có 5 năm tham gia khảo sát địa hình và đã tham gia khảo địa hình 5 công trình trong phạm vi dự án đầu tư công trình (đối với trường hợp nếu có bằng cao đẳng, trung cấp khảo sát xây dựng hoặc bằng đại học chuyên ngành xây dựng); Việc kê khai năng lực kinh nghiệm phải trung thực và tổ chức cơ quan xác nhận phải đúng, chính xác.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 300.000 đồng/chứng chỉ (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 38. Cấp chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình (Phụ lục 1 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ

trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng), kèm 2 ảnh (3x4) chụp trong năm xin đăng ký; Bản sao văn bằng chuyên môn (nếu các văn bằng do nước ngoài cấp phải dịch ra tiếng Việt, có công chứng); Bản sao giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát có liên quan nội dung đăng ký cấp chứng chỉ giám sát; Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng (phụ lục 2 ban hành theo Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng); Bản sao chứng minh nhân dân đối với công dân Việt Nam (Nếu CMND của cá nhân quá 15 năm thì cần bổ sung bản sao cấp mới).

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; Không phải công chức đang làm việc quản lý hành chính nhà nước; Có đạo đức nghề nghiệp; Có hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 12/2009/QĐ-BXD ngày 24/06/2009 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Nộp lệ phí đầy đủ theo quy định pháp luật; Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên (đối với chứng chỉ hành nghề loại màu đỏ) hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (đối với chứng chỉ hành nghề loại màu hồng) thuộc chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung xin đăng ký hành nghề, do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp; Kinh nghiệm nghề nghiệp: Đã trực tiếp tham gia thực hiện thiết kế hoặc thi công xây dựng từ 3 năm trở lên hoặc đã tham gia thực hiện thiết kế, thi công xây dựng ít nhất 5 công trình được nghiệm thu bàn giao hoặc đã thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình từ 3 năm trở lên (áp dụng đối với trường hợp trước khi Luật Xây dựng có hiệu lực thi hành). Có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại; công trình xin cấp chứng chỉ do cơ sở đào tạo được Bộ Xây dựng công nhận cấp; Việc kê khai năng lực kinh nghiệm phải trung thực và tổ chức cơ quan xác nhận phải đúng, chính xác.

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 300.000 đồng/chứng chỉ (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 39. Cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (Kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng công trình)

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn xin cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề Kiến Trúc Sư hoặc kỹ hoặc giám sát thi công xây dựng công trình (phụ lục 1a ban hành theo Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng), kèm 2 ảnh (3x4) chụp trong năm xin đăng ký; Bản sao văn bằng chuyên môn, chứng chỉ và bản kê khai kinh nghiệm liên quan đến nội dung xin bổ sung hành nghề (Đối với

trường hợp xin bổ sung nội dung hành nghề); Chứng chỉ hành nghề cũ (trường hợp hồ sơ xin cấp lại: Do chứng chỉ cũ bị rách, nát hoặc xin cấp bổ sung hành nghề hoặc chứng chỉ đã hết hạn); Bản sao CMND đối với công dân Việt Nam (Nếu CMND của cá nhân quá 15 năm thì cần bổ sung bản sao cấp mới).

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; Không phải công chức đang làm việc quản lý hành chính nhà nước; Có đạo đức nghề nghiệp; Có hồ sơ hợp lệ theo quy định; Nộp lệ phí đầy đủ theo quy định pháp luật; Không vi phạm các quy định trong hoạt động xây dựng và pháp luật có liên quan; Việc kê khai năng lực kinh nghiệm phải trung thực và được tổ chức cơ quan xác nhận phải đúng và chính xác (Đối với trường hợp xin bổ sung nội dung hành nghề).

5. Lệ phí: Lệ phí cấp chứng chỉ 150.000 đồng/chứng chỉ (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Mục 5

CẤP GIẤY PHÉP CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI LÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG TẠI VIỆT NAM

Điều 40. Cấp Giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn xin cấp giấy phép thầu; Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp; Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp; Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu theo mẫu quy định; Báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam); Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc bản cam kết sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hay hồ sơ chào thầu); Giấy uỷ quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu. (Mẫu đơn xin cấp giấy phép thầu theo phụ lục số 1 đối với tổ chức; Biểu báo cáo các công việc dự án đã thực hiện trong 3 năm gần nhất theo phụ lục số 2, quy định tại Thông tư số 05-2004/TT-BXD ngày 15/9/2004 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thủ tục và quản lý việc cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam)

- Đơn đề nghị cấp giấy phép thầu phải làm bằng tiếng Việt. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự đối với trường hợp xin cấp giấy phép thầu lần đầu, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép thầu phát sinh trong 3 năm liền kề thì hồ sơ chỉ bao gồm các hồ sơ sau: Đơn xin cấp giấy phép thầu; Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp; Báo cáo tài chính được kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).

2. Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)

Ngoài các thành phần hồ sơ trên, nhà thầu nước ngoài phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng chính phủ về ban hành Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

3. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp giấy phép thầu Xây dựng: 2.000.000 đồng/giấy phép (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 41. Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn xin cấp giấy phép thầu; Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp; Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề tư vấn do nước mà nhà thầu mang quốc tịch cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân; Lý lịch nghề nghiệp cá nhân (tự khai) kèm theo bản sao hợp đồng về các công việc có liên quan đã thực hiện trong 3 năm gần nhất; Đơn xin cấp giấy phép thầu phải làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ, tài liệu khác của nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự đối với trường hợp xin cấp giấy phép thầu lần đầu (trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có qui định khác). Các giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép thầu phát sinh trong 3 năm liền kề thì hồ sơ chỉ bao gồm: Đơn xin cấp giấy phép thầu; Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp; Đơn xin cấp giấy phép thầu phải làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ, tài liệu khác của nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự đối với trường hợp xin cấp giấy phép thầu lần đầu (trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có qui định khác). Các giấy tờ, tài liệu bằng

tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo qui định của pháp luật Việt Nam.

Mẫu đơn xin cấp giấy phép thầu (theo quy định Phụ lục số 3 đối với cá nhân quy định tại Thông tư số 05/2004/TT-BXD ngày 15/9/2004 của Bộ Xây dựng, Hướng dẫn thủ tục và quản lý việc cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam).

2. Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bao gồm: 01 bộ chính, 02 bộ sao)

Ngoài các thành phần hồ sơ trên, nhà thầu nước ngoài phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng chính phủ về ban hành Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

3. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

4. Lệ phí: Lệ phí cấp giấy phép thầu Xây dựng: 2.000.000 đồng/giấy phép (theo Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/03/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng).

Điều 42. Cấp Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành công trình cho nhà thầu nước ngoài

1. Thành phần hồ sơ:

Đơn đăng ký văn phòng điều hành (theo Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Công văn số 438/BXD-XL ngày 17/3/2008 của Bộ Xây dựng, về việc đăng ký văn phòng điều hành công trình của nhà thầu nước ngoài); Bản sao có chứng thực giấy phép thầu nơi có dự án nhận thầu.

2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) chính.

3. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đăng ký địa chỉ, số điện thoại, fax, email, tài khoản giao dịch của Văn phòng điều hành công trình và người đại diện thực hiện hợp đồng tại cơ quan có liên quan theo quy định của UBND cấp tỉnh nơi có dự án nhận thầu. Đồng thời thông báo các thông tin đó tới Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có công trình xây dựng.

5. Lệ phí: Không.

Mục 6

THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

Điều 43. Thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định dự toán dịch vụ công ích đô thị (1 bản chính). Quyết định chỉ định thầu tư vấn xây dựng lập dự toán dịch vụ công ích đô thị theo quy định của Luật Đấu thầu. (1 bản chính). Chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng của người đứng chủ trì lập dự toán của đơn vị tư vấn (1 bản

sao). Giấy đăng ký kinh doanh và hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn được chỉ định thầu (1 bản sao). Hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn về việc lập dự toán dịch vụ công ích đô thị (1 bản sao). Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn về việc lập dự toán dịch vụ công ích đô thị (1 bản sao). Kế hoạch vốn hàng năm cho công tác dịch vụ công ích đô thị (1 bản sao).

1. Số lượng hồ sơ: Dự toán chi tiết kèm theo 08 (bộ).
2. Thời hạn giải quyết: Thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. Lệ phí: không.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 44. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tổ chức triển khai thực hiện quy định này, củng cố bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đủ năng lực về chuyên môn, hiểu biết thủ tục hành chính, có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo cơ chế một cửa.

2. Ban hành quy chế quy định trách nhiệm của các phòng chuyên môn, cá nhân cán bộ công chức trong tiếp nhận, chuyển hồ sơ, xử lý, trình ký, trả lại bộ phận một cửa; quy trình phối hợp trong việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại đơn vị.

3. Niêm yết công khai và đăng tải trên Webiste Sở Xây dựng Đắk Lắk các thủ tục hành chính, thời gian giải quyết hồ sơ, mức thu phí, lệ phí theo quy định.

4. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; đề xuất, kiến nghị các vướng mắc khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo kịp thời về UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Trong thời gian triển khai Quyết định này, nếu Trung ương có văn bản bổ sung, thay đổi một số nội dung thực hiện, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các ngành chức năng tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



LỮ NGỌC CƯ

Phụ lục 1:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BÁO ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HOÀN THÀNH

Kính gửi: Sở Xây dựng Đắk Lắk.

Tôi tên:.....

Chủ đầu tư xây dựng công trình:.....

Địa chỉ:.....

Được phép xây dựng công trình tại địa chỉ nêu trên theo giấy phép xây dựng số:..... do đơn vị tư vấn thiết kế:..... và đơn vị thi công:.....

Đã xây dựng hoàn chỉnh công trình nêu trên, bàn giao ngày:.....

Tôi đề nghị Sở Xây dựng kiểm tra và lập biên bản công trình hoàn thành để hoàn tất thủ tục về xây dựng.

....., ngày tháng năm 20....
CHỦ ĐẦU TƯ

Phụ lục số: 2

Tên đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____/TTTr - _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm 201____

TỜ TRÌNH

“V/v đề nghị thẩm định và phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500

Dự án

I. Căn cứ pháp lý và các văn bản liên quan đến dự án :

(Lưu ý: Ngoài những căn cứ pháp lý có liên quan, chủ đầu tư cần nêu tên, số, ngày tháng các văn bản liên quan đến dự án như : chủ trương đầu tư, thỏa thuận địa điểm, biên bản, chứng chỉ quy hoạch, giấy tờ đất đai (nếu có).....)

II. Nội dung trình phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng 1/500

1. Chủ đầu tư và địa chỉ :

Tên đơn vị :

Địa chỉ cơ quan, đơn vị :

Điện thoại : _____ ; Mob _____ ; Email : _____

Người đại diện theo pháp luật :

Chức vụ :

2. Tên dự án :

3. Địa điểm quy hoạch xây dựng :

4. Diện tích, phạm vi, hiện trạng khu vực lập quy hoạch :

4.1. Diện tích lập quy hoạch tổng mặt bằng :

4.2. Phạm vi : *(tiếp giáp các phía của khu đất)*

4.3 Nguồn gốc, hiện trạng đất đai :

5. Mục tiêu- Định hướng :

6. Cơ cấu sử dụng đất – Phân khu chức năng :

KH	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất		100,00
1	Các khu chức năng		
		

7. Tóm tắt danh mục công trình xây dựng :

TT	Hạng mục	Số lượng	DTích XD (m ²)	Tổng diện tích XD (m ²)	MĐXD (%)
1	Công trình				
2	Công trình				

8. Định hướng kiến trúc cảnh quan:

8.1 Chỉ giới đường đỏ, khoảng lùi công trình:

8.2 Mật độ xây dựng :

8.3 Cốt san nền:

8.4 Giải pháp kiến trúc, tầng cao công trình :

9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

9.1 Hệ thống giao thông khu vực dự án :

9.2 Nhu cầu cấp nước và nguồn nước :

9.3 Giải pháp tổng thể thoát nước và vệ sinh môi trường :

9.4. San nền :

9.5. (Tùy theo tính chất, đặt thù dự án để có thể thuyết minh theo hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng đã trình như : Cây xanh, cấp điện, chiếu sáng, giải pháp bảo vệ môi trường...)

III. Thành phần bảng vẽ trình thẩm định, phê duyệt

1. Thành phần bảng vẽ quy hoạch tổng mặt bằng trình thẩm định, phê duyệt

Số hiệu bản vẽ	Tên bản vẽ - Hồ sơ	Tỷ lệ

2. Tên đơn vị tư vấn thiết kế :

3. Địa chỉ :

4. Tên người chủ trì thiết kế :

IV. Kết luận - Kiến nghị :

1. Kiến nghị :

2. Kết luận :

Nơi nhận :

- UBND tỉnh (để trình duyệt)
- Sở Xây dựng; (trình thẩm định)
- Lưu VP Cty.

Chức danh lãnh đạo đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3:

Tên cơ quan chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT.....

....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng.....

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt nhiệm vụ gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (nếu có).
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.

I. Nội dung định hướng quy hoạch xây dựng:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:

2. Mục tiêu - Định hướng:

3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:

3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).

- Phía Đông giáp:

- Phía Tây giáp:

- Phía Nam giáp:

- Phía Bắc giáp:

3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha

3.3 Tỷ lệ bản đồ:

4. Tính chất:

- Nêu rõ tính chất đô thị:

- Loại đô thị, cấp quản lý từng giai đoạn (hiện trạng, ngắn hạn, dài hạn).

5. Quy mô dân số:

- Hiện trạng:

- Giai đoạn ngắn hạn (5 năm)

- Giai đoạn dài hạn: (10-15 năm)

6. Quy mô đất đai:

- Hiện trạng _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

- Giai đoạn ngắn hạn (05 năm) _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

- Giai đoạn dài hạn: (10-15 năm) _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đai và kiến trúc:

7.1 Chọn hướng đất phát triển

7.2 Cơ cấu sử dụng đất (hoặc chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu)

7.3 Phân vùng chức năng

7.4 Định hướng nghiên cứu kiến trúc, cảnh quan

8. Định hướng quy hoạch xây dựng mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội: Nêu khái quát định hướng quy hoạch các công trình chủ yếu: Giáo dục, y tế, văn hóa TDTT, quảng trường công viên cây xanh, các công trình dịch vụ khác

9. Định hướng quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

II. Sản phẩm nhiệm vụ quy hoạch:

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:

- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):

- Cơ quan thẩm định:

- Cơ quan phê duyệt:

2. Tiến độ thực hiện:

3. Kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên.

- Cơ quan thẩm định.

- Cơ quan quản lý XD địa phương

- Lưu (Mau-TTrình-Pduyet-NVQH XD)

Phụ lục 4:

Tên cơ quan chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v **thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng**

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt đồ án gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.

I. Nội dung định hướng quy hoạch xây dựng vùng:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:

2. Mục tiêu - Định hướng:

3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:

3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).

- Phía Đông giáp:

- Phía Tây giáp:

- Phía Nam giáp:

- Phía Bắc giáp:

3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha

3.3 Tỷ lệ bản đồ:

4. Tính chất:

- Nêu rõ tính chất đô thị:

- Loại đô thị, cấp quản lý từng giai đoạn (hiện trạng, ngắn hạn, dài hạn).

5. Quy mô dân số:

- Hiện trạng:

- Giai đoạn ngắn hạn (05 năm)

- Giai đoạn dài hạn: (10-15 năm)

6. Quy mô đất đai:

- Hiện trạng _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

- Giai đoạn ngắn hạn (05 năm) _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

- Giai đoạn dài hạn: (10-15 năm) _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đai và kiến trúc:

7.1 Chọn hướng đất phát triển

7.2 Cơ cấu sử dụng đất (hoặc chi tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu)

7.3 Phân vùng chức năng

7.4 Định hướng nghiên cứu kiến trúc, cảnh quan

8. Định hướng quy hoạch xây dựng mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội:

Nêu khái quát định hướng quy hoạch các công trình chủ yếu: Giáo dục, y tế, văn hóa TDTT, quảng trường công viên cây xanh, các công trình dịch vụ khác

9. Định hướng quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc
- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:
- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):
- Cơ quan thẩm định :
- Cơ quan phê duyệt:

2. Tiến độ thực hiện:

3. kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định;
- Cơ quan quản lý XD địa phương;
- Lưu ...

Phụ lục 5:

Tên cơ quan chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT.....

....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng,

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt đồ án gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (nếu có).
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.

I. Nội dung định hướng quy hoạch chung:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:
2. Mục tiêu - Định hướng:
3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:
 - 3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).
 - Phía Đông giáp:
 - Phía Tây giáp:
 - Phía Nam giáp:
 - Phía Bắc giáp:
 - 3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha
 - 3.3 Tỷ lệ bản đồ:
4. Tính chất:
 - Nêu rõ tính chất đô thị:
 - Loại đô thị, cấp quản lý từng giai đoạn (hiện trạng, ngắn hạn, dài hạn).
5. Quy mô dân số:
 - Hiện trạng:
 - Giai đoạn ngắn hạn: (05 năm)
 - Giai đoạn dài hạn: (20-25 năm) đối với quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thị xã và đô thị mới; (10-15 năm) đối với quy hoạch chung thị trấn.
6. Quy mô đất đai:
 - Hiện trạng _____ ha; bình quân _____ m²/ người.
 - Giai đoạn ngắn hạn (05 năm) _____ ha; bình quân _____ m²/ người -
 - Giai đoạn dài hạn: (20-25 năm) đối với quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh,

thị xã và đô thị mới _____ ha: bình quân _____ m²/ người; 10-15 năm) đối với quy hoạch chung thị trấn _____ ha: bình quân _____ m²/ người.

7. Định hướng phát triển không gian đô thị: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

7.1 Mô hình và hướng phát triển đô thị.

7.2 Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị.

7.3 Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư,

7.4 Xác định các trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, ...

7.5 Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, ...

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

9. Đánh giá môi trường chiến lược: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

10. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

11. Định hướng phát triển không gian đô thị và hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn.

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc
- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:
- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):

- Cơ quan thẩm định :
- Cơ quan phê duyệt:
- 2. Tiến độ thực hiện:
- 3. Kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cơ quan thẩm định.
- Cơ quan quản lý XD địa phương
- Lưu

** Lưu ý: Đối với quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới, cơ quan thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.*

Phụ lục 6:

Tên cơ quan chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt đồ án gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (nếu có).
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.

I. Nội dung định hướng quy hoạch xây dựng:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:
2. Mục tiêu - Định hướng:
3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:
 - 3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).
 - Phía Đông giáp:
 - Phía Tây giáp:
 - Phía Nam giáp:
 - Phía Bắc giáp:
 - 3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha
 - 3.3 Tỷ lệ bản đồ:
4. Tính chất: Nêu rõ tính chất đô thị:
5. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch: ...
6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
7. Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc,: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
9. Dự án các dự án ưu tiên đầu tư.
10. Đánh giá môi trường chiến lược: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
11. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật."

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc
- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:
- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):
- Cơ quan thẩm định :
- Cơ quan phê duyệt:

2. Tiến độ thực hiện:

3. Kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cơ quan thẩm định.
- Cơ quan quản lý XD địa phương
- Lưu

Phụ lục 7:

Tên cơ quan chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT.....

....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt đồ án gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (nếu có).
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.

I. Nội dung định hướng quy hoạch xây dựng:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:
2. Mục tiêu - Định hướng:
3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:
 - 3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).
 - Phía Đông giáp:
 - Phía Tây giáp:
 - Phía Nam giáp:
 - Phía Bắc giáp:
 - 3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha
 - 3.3 Tỷ lệ bản đồ:
4. Tính chất: Nêu rõ tính chất đô thị:
5. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.
6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
7. Xác định chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; ...: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
9. Đánh giá môi trường chiến lược: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.
10. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc
- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:
- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):
- Cơ quan thẩm định :
- Cơ quan phê duyệt:

2. Tiến độ thực hiện:

3. Kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cơ quan thẩm định.
- Cơ quan quản lý XD địa phương
- Lưu

Phụ lục 8a: Mẫu Tờ trình điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng:

Tên cơ quan chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT.....

....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định, phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng vùng

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt đồ án gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.
- Nêu các nội dung cần điều chỉnh đồ án.

I. Nội dung điều chỉnh quy hoạch xây dựng:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:

2. Mục tiêu - Định hướng:

3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:

3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).

- Phía Đông giáp:

- Phía Tây giáp:

- Phía Nam giáp:

- Phía Bắc giáp:

3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha

3.3 Tỷ lệ bản đồ:

4. Tính chất:

- Nêu rõ tính chất đô thị:

- Loại đô thị, cấp quản lý từng giai đoạn (hiện trạng, ngắn hạn, dài hạn).

5. Quy mô dân số:

- Hiện trạng:

- Giai đoạn ngắn hạn (5 năm)

- Giai đoạn dài hạn: (10-15 năm)

6. Quy mô đất đai:

- Hiện trạng _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

- Giai đoạn ngắn hạn (5 năm) _____ ha: bình quân _____ m²/ người.

- Giai đoạn dài hạn: (10-15 năm) _____ ha: bình quân _____ m²/ người.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đai và kiến trúc:

7.1 Chọn hướng đất phát triển

7.2 Cơ cấu sử dụng đất (hoặc chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu)

7.3 Phân vùng chức năng

7.4 Định hướng nghiên cứu kiến trúc, cảnh quan

8. Định hướng quy hoạch xây dựng mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội:

Nêu khái quát định hướng quy hoạch các công trình chủ yếu: Giáo dục, y tế, văn hóa TDTT, quảng trường công viên cây xanh, các công trình dịch vụ khác

9. Định hướng quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc
- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:
- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):
- Cơ quan thẩm định :
- Cơ quan phê duyệt:

2. Tiến độ thực hiện:

3. kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định;
- Cơ quan quản lý XD địa phương;
- Lưu ...

Phụ lục 8b: Mẫu Tờ trình điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng, chung đô thị:

Tên cơ quan chủ đầu tư **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định, phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng,

....

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt đồ án gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.
- Nêu các nội dung cần điều chỉnh đồ án.

I. Nội dung điều chỉnh quy hoạch chung:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:

2. Mục tiêu - Định hướng:

3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:

3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).

- Phía Đông giáp:

- Phía Tây giáp:

- Phía Nam giáp:

- Phía Bắc giáp:

3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha

3.3 Tỷ lệ bản đồ:

4. Tính chất:

- Nêu rõ tính chất đô thị:

- Loại đô thị, cấp quản lý từng giai đoạn (hiện trạng, ngắn hạn, dài hạn).

5. Quy mô dân số:

- Hiện trạng:

- Giai đoạn ngắn hạn: (5 năm)

- Giai đoạn dài hạn: (20-25 năm) đối với quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thị xã và đô thị mới; (10-15 năm) đối với quy hoạch chung thị trấn.

6. Quy mô đất đai:

- Hiện trạng _____ ha; bình quân _____ m²/ người.

- Giai đoạn ngắn hạn (5 năm) _____ ha: bình quân _____ m²/ người - Giai đoạn dài hạn: (20-25 năm) đối với quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thị xã và đô thị mới _____ ha: bình quân _____ m²/ người; 10-15 năm) đối với quy hoạch chung thị trấn _____ ha: bình quân _____ m²/ người.

7. Định hướng phát triển không gian đô thị: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

7.1 Mô hình và hướng phát triển đô thị.

7.2 Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị.

7.3 Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư,

7.4 Xác định các trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, ...

7.5 Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, ...

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

9. Đánh giá môi trường chiến lược: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

10. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

11. Định hướng phát triển không gian đô thị và hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn.

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc

- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:
 - Chủ đầu tư:
 - Đại diện chủ đầu tư (nếu có):
 - Cơ quan thẩm định :
 - Cơ quan phê duyệt:
2. Tiến độ thực hiện:
3. Kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cơ quan thẩm định.
- Cơ quan quản lý XD địa phương
- Lưu

Phụ lục 8c: Mẫu Tờ trình điều chỉnh đồ án quy hoạch phân khu:

Tên cơ quan chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT.....

....., ngày tháng năm 20

TỜ TRÌNH

V/v **thẩm định, phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch phân khu**

Kính gửi: (cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án)

Nêu những căn cứ đã thực hiện trước khi trình phê duyệt đồ án gồm:

- Các căn cứ có liên quan theo quy định pháp luật.
- Các văn bản phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền.
- Nêu các nội dung cần điều chỉnh đồ án.

I. Nội dung điều chỉnh quy hoạch phân khu:

1. Tên dự án quy hoạch xây dựng:

2. Mục tiêu - Định hướng:

3. Phạm vi nghiên cứu - thiết kế quy hoạch:

3.1 Phạm vi nghiên cứu QHXD gồm: _____ ha; (theo ranh giới hành chính của huyện, xã, thôn...).

- Phía Đông giáp:

- Phía Tây giáp:

- Phía Nam giáp:

- Phía Bắc giáp:

3.2 Phạm vi thiết kế quy hoạch: _____ ha

3.3 Tỷ lệ bản đồ:

4. Tính chất:

- Nêu rõ tính chất đô thị:

5. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch: ...

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

7. Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, ...: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

9. Dự án các dự án ưu tiên đầu tư.

10. Đánh giá môi trường chiến lược: Theo quy định Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

11. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.”

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc
- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:
- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):
- Cơ quan thẩm định :
- Cơ quan phê duyệt:

2. Tiến độ thực hiện:

3. Kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cơ quan thẩm định.
- Cơ quan quản lý XD địa phương
- Lưu

10. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

II. Sản phẩm quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ- hồ sơ	Tỷ lệ	Số lượng		Ghi chú
			Màu	Trắng đen	
I	Phần Bản vẽ				
1				
2				
II	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp				
2	Thuyết minh tóm tắt				
3	Bản vẽ thu nhỏ				
4				
III	Đĩa CD-ROM lưu trữ tất cả tài liệu trên				

III. Dự toán:

Nêu tóm tắt số liệu chính:

- Dự toán cho công tác khảo sát đo đạc
- Dự toán cho công tác thiết kế quy hoạch

III. Kiến nghị và tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan thực hiện:

- Chủ đầu tư:
- Đại diện chủ đầu tư (nếu có):
- Cơ quan thẩm định :
- Cơ quan phê duyệt:

2. Tiến độ thực hiện:

3. Kết luận- kiến nghị:

Chức danh chủ đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cơ quan thẩm định.
- Cơ quan quản lý XD địa phương
- Lưu

Phụ lục 9:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP CHỨNG CHỈ QUY HOẠCH

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

1. Chủ đầu tư:

- Người đại diện: _____ Chức vụ _____

- Địa chỉ liên hệ: _____

- Điện thoại liên lạc, email: _____

2. Tên dự án:

- Tên dự án: _____

- Địa điểm dự án: _____

3. Thực trạng quy hoạch liên quan đến khu đất:

- Trong đô thị ; ngoài đô thị

- Thuộc khu vực đã có quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2000

- Thuộc khu vực đã có quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500

- Thuộc khu vực chưa được lập quy hoạch xây dựng chi tiết

4. Ý định đầu tư - Quy mô đầu tư:

a) Khối công trình chính:

- Diện tích xây dựng: _____ m²; Diện tích sử dụng: _____ m².

- Tầng cao: _____; Kết cấu chính: _____

- Khoảng lùi công trình so với chỉ giới đường đỏ: _____ m.

b) Các công trình phụ trợ (nêu cụ thể tên, diện tích, tầng cao)

c) Chi tiêu kiến trúc quy hoạch:

- Tổng diện tích đất: _____ m²; Mật độ xây dựng: _____ %

- Diện tích cây xanh: _____ m²; Diện tích sân đường nội bộ: _____ m²

5. Liệt kê các văn bản đính kèm:

....., ngày tháng năm 200...

Chủ đầu tư

Phụ lục 10:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN KIẾN TRÚC – QUY HOẠCH

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

1. *Chủ đầu tư:*

- Người đại diện: _____ Chức vụ _____

- Địa chỉ liên hệ: _____

- Điện thoại liên lạc, email: _____

2. *Tên dự án:*

- Tên dự án: _____

- Địa điểm dự án: _____

3. *Thực trạng quy hoạch liên quan đến khu đất:*

- Trong đô thị ; ngoài đô thị

- Thuộc khu vực đã có quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2000

- Thuộc khu vực đã có quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500

- Thuộc khu vực chưa được lập quy hoạch xây dựng chi tiết

4. *Ý định đầu tư - Quy mô đầu tư:*

a) *Khối công trình chính:*

- Diện tích xây dựng: _____ m²; Diện tích sử dụng: _____ m².

- Tầng cao: _____; Kết cấu chính: _____

- Khoảng lùi công trình so với chỉ giới đường đỏ: _____ m.

b) *Các công trình phụ trợ (nêu cụ thể tên, diện tích, tầng cao)*

c) *Chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch:*

- Tổng diện tích đất: _____ m²; Mật độ xây dựng: _____ %

- Diện tích cây xanh: _____ m²; Diện tích sân đường nội bộ: _____ m²

5. *Liệt kê các văn bản đính kèm:*

....., ngày tháng năm 20...

Chủ đầu tư

Phụ lục 11a:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(ảnh 4x6)
(có đóng dấu
giáp lai của
chính quyền
địa phương)

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN**

Kính gửi: Sở Xây dựng Đắk Lắk

1. Họ và tên (*chữ in hoa*) :
2. Ngày, tháng, năm sinh :
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch :
5. Số CMTND hoặc hộ chiếu (*đính kèm bản sao có chứng thực*)
ngày cấp.....nơi cấp
6. Địa chỉ thường trú (*ghi chính xác, chi tiết*):.....
.....
7. Số điện thoại để liên hệ : di động :.....cố định :.....
email : website :
8. Tên cơ quan, đơn vị công tác :
- Địa chỉ :Điện thoại :
9. Số chứng chỉ cũ :..... cấp ngày :
.....
10. Lý do xin cấp lại, cấp đổi chứng chỉ :

Đề nghị được cấp lại chứng chỉ Định giá bất động sản. Tôi xin chịu trách về toàn bộ nội dung trong Đơn này và cam kết :

- Hiện tại tôi không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ ; không trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự ,chấp hành án phạt tù.
- Không phải là cán bộ, công chức nhà nước.
- Hành nghề theo đúng chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**Xác nhận của UBND xã, phường nơi cư trú
(hoặc cơ quan, đơn vị công tác)**

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

1. Có hộ khẩu thường trú tại địa phương hay không.....
2. Có phải là cán bộ, công chức nhà nước hay không.....
3. Có hành vi dân sự đầy đủ, không bị cấm hành nghề theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hay không.....
4. Có đang trong tình trạng truy cứu trách nhiệm hình sự hay chấp hành án phạt tù hay không.....

Phụ lục 11b:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm...

(ảnh 4x6)
(có đóng dấu
giáp lai của
chính quyền địa
phương)

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

Kính gửi: Sở Xây dựng Đắk Lắk

1. Họ và tên (*chữ in hoa*) :
2. Ngày, tháng, năm sinh :
3. Nơi sinh: 4. Quốc tịch:
5. Số CMTND hoặc hộ chiếu (*đính kèm bản sao có chứng thực*):
.....ngày cấp :nơi cấp :
6. Địa chỉ thường trú (*ghi chính xác, chi tiết*):
7. Số điện thoại để liên hệ : di động cố định
email : website :
8. Tên cơ quan, đơn vị công tác :
- Địa chỉ :Điện thoại :
9. Số chứng chỉ cũ : cấp ngày :
10. Lý do xin cấp lại, cấp đổi chứng chỉ :

Đề nghị được cấp lại chứng chỉ Môi giới bất động sản. Tôi xin chịu trách về toàn bộ nội dung trong Đơn này và cam kết :

- Hiện tại tôi không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ ; không trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù.
- Không phải là cán bộ, công chức nhà nước.
- Hành nghề theo đúng chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**Xác nhận của UBND xã, phường nơi cư trú
(hoặc cơ quan, đơn vị công tác)**

**Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)**

1. Có hộ khẩu thường trú tại địa phương hay không.....
2. Có phải là cán bộ, công chức nhà nước hay không.....
3. Có hành vi dân sự đầy đủ, không bị cấm hành nghề theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hay không.....
4. Có đang trong tình trạng truy cứu trách nhiệm hình sự hay chấp hành phạt tù hay không.....